Phạm Sỹ Thành (Chủ biên)

KINH TẾ TRUNG QUỐC
Những rủi ro trung hạn

Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc, VEPR (VCES)

THANHBOOKS
Phong sự đề dẫn đầu
NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc thuộc VEPR (VCES) là chương trình nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề liên quan tới kinh tế Trung Quốc, trực thuộc Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR), Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chương trình hướng tới các mục tiêu:

(1) Tổng hợp, xây dựng dữ liệu nguồn về kinh tế Trung Quốc; Cung cấp thông tin, cập nhật và dự báo tình hình kinh tế Trung Quốc;

(2) Thực hiện các nghiên cứu về kinh tế Trung Quốc, bao gồm cả nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu chính sách;

(3) Tư vấn chính sách trong các vấn đề kinh tế Trung Quốc và quan hệ kinh tế Việt - Trung.

Chương trình dự tính cho ra các sản phẩm bao gồm (1) Báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế vĩ mô của Trung Quốc; (2) Báo cáo thường niên về kinh tế Trung Quốc; (3) Các dự án, chương trình nghiên cứu liên quan tới kinh tế Trung Quốc trong mối tương quan với khu vực và tác động tới Việt Nam; (4) Các báo cáo chuyên đề về những vấn đề nổi bật của tình hình kinh tế - chính trị - xã hội của Trung Quốc và hàm ý chính sách cho Việt Nam; (5) Các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế nhằm tạo ra một diễn đàn để các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách cùng trao đổi, thảo luận nhằm đưa ra những gợi mở, khuyến nghị đối với Việt Nam trong quan hệ kinh tế - chính trị với Trung Quốc; (6) Các khóa học, các chương trình

đào tạo và báo cáo tư vấn có liên quan tới kinh tế Trung Quốc.

Hiện tại, VCES đã thiết lập quan hệ hợp tác nghiên cứu, trao đổi học thuật với các cơ quan nghiên cứu về kinh tế, kinh tế Trung Quốc, nghiên cứu tình hình Trung Quốc của Việt Nam. Đồng thời, VCES cũng thường xuyên tiến hành các chuyến trao đổi học thuật, tổ chức sự kiện nghiên cứu về tình hình kinh tế Trung Quốc với các trường đại học và tổ chức nghiên cứu của nước ngoài như Đại học Kinh tế Tài chính Giang Tây (Trung Quốc), Đại học Nam Khai (Trung Quốc), Đại học Chiết Giang (Trung Quốc), Đại học Chungbuk (Hàn Quốc), Đại học Busan (Hàn Quốc), Hội Khoa học Xã hội Hàn - Trung (Hàn Quốc). Với mục tiêu trở thành một thành viên của mạng lưới nghiên cứu Trung Quốc tại Đông Á, VCES hướng đến việc thiết lập quan hệ hợp tác sâu rộng với các tổ chức nghiên cứu Trung Quốc tại các quốc gia Đông Á và châu Á - Thái Bình Dương khác.

ACDI : Chỉ số lũy kế đầu tư ra bên ngoài/GDP(A Capital Dragon Index)

ACFTA : Hiệp định mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ASEAN -China Free Trade Agreement)

ADB : Ngân hàng phát triển châu Á (Asian Development Bank)

ASEAN : Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Association of Southeast Asian Nations)

BRICs : Nhóm nước mới nổi gồm Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc

CAR : Hệ số an toàn vốn tối thiểu (Capital Adequacy Ratio)

CBRC : Ủy ban Quản lý Giám sát Ngân hàng Trung Quốc (China Banking Regulatory Commission)

CUSTOM : Tổng cục Hải quan Trung Quốc (General Administration of Customs of the People's Republic of China)

CEIC : Công ty số liệu CEIC

CEPR : Trung tâm nghiên cứu chính sách kinh tế Anh

CGRC : Tổng công ty Quản lý và Dự trữ lương thực Trung Quốc (China Grain Reserves Corporation)

COEs : Doanh nghiệp thuộc sở hữu tập thể (Collective Ownership

Enterprises)

CPI : Chỉ số giá tiêu dùng (Consumer Price Index)

CREIS : Hệ thống chỉ số bất động sản Trung Quốc (China Real Estate Index System)

CSRC : Ủy ban Quản lý Giám sát Chứng khoán Trung Quốc (China Securities Regulatory Commission)

ECFA : Hiệp định khung hợp tác kinh tế (Economic Cooperation Framework Agreement)

EDP : Tập đoàn năng lượng Bồ Đào Nha

EU : Liên minh châu Âu (European Union)

FAI : Đầu tư tài sản cố định (Fixed Asset Investment)

FDI : Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment)

FDIC : Tập đoàn bảo hiểm tiền gửi Liên bang Hoa Kỳ (The Federal Deposit Insurance Coporation)

FED : Cục dự trữ liên bang Hoa Kỳ (Federal Reserve System)

FTA : Khu mậu dịch tự do/Hiệp định mậu dịch tự do (Free Trade Area/Free Trade Agreement)

G7 : Nhóm bảy quốc gia dân chủ và công nghiệp hàng đầu của thế giới

G20 : Nhóm các nền kinh tế lớn

GDP : Tổng sản phẩm quốc nội (Gross Domestic Product)

GITIC : Công ty TNHH Tín thác Quốc tế Quảng Đông

GTVT : Giao thông vận tải

ICBC : Ngân hàng công thương Trung Quốc (Industrial and Commercial Bank of China)

ICOR : Hệ số sử dụng vốn (Incremental Capital - Output Ratio)

IEA : Cơ quan năng lượng quốc tế (TheInternational Energy Agency)

IMF : Quỹ tiền tệ quốc tế (International Monetary Fund)

JKCFTA : Khu vực mậu dịch tự do Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc

KHXH : Khoa học xã hội

LGFPs : Các khoản vay nợ của chính quyền địa phương thông qua các sàn huy động vốn

LGFVs : Các công cụ huy động vốn địa phương (Local Government Funding Vehicles)

M&A : Mua bán và sáp nhập (Mergers and Acquisitions)

MOF : Bộ Tài chính Trung Quốc (Ministry of Finance of the People’s Republic of China)

MOFCOM: Bộ Thương mại Trung Quốc (Ministry of Commerce

of the People's Republic of China)

NBER : Cục Nghiên cứu Kinh tế Quốc gia (Hoa Kỳ) (The National Bureau of Economic Research)

NBS : Cục thống kê Quốc gia (Trung Quốc) (The National Bureau of Statistics (of China))

NHTM : Ngân hàng thương mại

NHTƯ : Ngân hàng Trung ương

NSEs : Doanh nghiệp ngoài nhà nước (Non Stated-owned Enterprises)

OECD : Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development)

PBoC : Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (The People's Bank of China)

PMI : Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (Purchasing Managers Index)

PPI : Chỉ số giá sản xuất (công nghiệp) (Producer Price Index)

PPP : Sức mua ngang giá

QE : Chương trình nới lỏng định lượng (Quantitative easing)

RCEP : Cơ chế Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Regional Comprehensive Economic Partnership)

RMB : Đồng tiền Trung Quốc (Renminbi – Nhân dân tệ)

ROA : Tỉ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (Return on Total Assets)

ROE : Tỉ suất lợi nhuận trên vốn (Return on Equity)

SAFE : Cục quản lý Ngoại hối Quốc gia (Trung Quốc) (State Administration of Foreign Exchange)

Shibor : Lãi suất qua đêm liên ngân hàng Thượng Hải (Shanghai Interbank Offered Rate)

SOEs : Doanh nghiệp nhà nước (State-owned Enterprises)

TFP : Năng suất các yếu tố tổng hợp (Total Factor Productivity)

TFR : Tổng tỉ suất sinh (Total Fertility Rate)

TNHH : Trách nhiệm hữu hạn

TPP : Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Partnership)

TTCK : Thị trường chứng khoán

TƯ : Trung ương

UK : Vương quốc Anh (United Kingdom)

UN : Liên hợp quốc (United Nations)

UNCTAD : Diễn đàn thương mại và phát triển Liên hợp quốc (The United Nations Conference on Trade and Development)

US : Hoa Kỳ (United States)

USD : Đồng đôla Mỹ (US. Dollar)

VAT : Thuế giá trị gia tăng (Value Added Tax)

VCES : Chương trình nghiên cứu kinh tế Trung Quốc thuộc VEPR

WB : Ngân hàng thế giới (World Bank)

WTO : Tổ chức thương mại thế giới (World Trade Organization)

TÓM TẮT

Kinh tế Trung Quốc sau khi tiến hành chuyển đổi năm 1978 đã bước vào một giai đoạn tăng trưởng liên tục với tỉ lệ tăng trưởng bình quân trong vòng 30 năm lên tới 9,6%. Tỉ lệ tăng trưởng này nhanh chóng đưa Trung Quốc trở thành nền kinh tế có quy mô lớn thứ hai trên thế giới và những gì mà quốc gia này thực hiện được về kinh tế xứng đáng được gọi là một điều thần kỳ - như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan v.v... đã đạt được trong quá khứ. Các mục tiêu tăng gấp đôi GDP sau mỗi 10 năm mà Đặng Tiểu Bình đưa ra đều được hoàn thành trước thời hạn. Năm 1952, thu nhập bình quân đầu người của Trung Quốc chỉ là 4,55 USD, đến năm 2011, bình quân mỗi người Trung Quốc có mức thu nhập 5.400 USD. Dựa trên số liệu thống kê GDP thế giới trong 1000 năm qua của Madison, có thể nói không hề phóng đại rằng những gì mà Trung Quốc đạt được trong hơn 30 năm chuyển đổi kinh tế vừa qua bằng đúng những gì mà dân tộc này đã làm trong suốt cả 1000 năm trước đó gộp lại. Con số so sánh này để thấy mức độ thay đổi mà Trung Quốc đã đạt được nhờ vào việc thực hiện chuyển đổi kinh tế "dò đá qua sông", lấy thí điểm để tìm tòi hướng đi đúng cho từng lĩnh vực cải cách. Cải cách theo phương thức này có thể giúp Trung Quốc tránh được những cú sốc nhưng không thể tránh được những cải cách mang tính nền tảng như vấn đề mô hình phát triển kinh tế, cải cách quyền tài sản, vấn đề cải cách kinh tế đi liền với chuyển đổi về chính trị, các vấn đề xã hội v.v... Khi tất cả những trở ngại này chưa được giải quyết một cách căn bản, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc sẽ chịu nhiều tác động tiêu cực.

Trong vòng năm năm trở lại đây, kinh tế, chính trị Trung Quốc đã